

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐST
Ngày 31/7/2019

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Trọng Thịnh.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Quang, Bà Nguyễn Thị Yến

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuấn

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số 43/2019/TLST- HNGĐ ngày 04/4/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 01/7/2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986

HKTT: thôn An Ninh, xã Yên Phụ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. (có mặt tại phiên tòa)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn

Bà Trần Phương Anh – Luật sư thuộc Công ty luật TNHH Lê Hồng Hiến và Cộng sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Dương Văn M, sinh năm 1981

HKTT: thôn An Ninh, xã Yên Phụ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn cùng anh Dương Văn M vào ngày 05/12/2005 trước khi kết hôn đôi bên có được tìm hiểu thoả thuận tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Phụ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn chị về gia đình anh M làm dâu luôn vợ chồng sống thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh M có quan hệ với người phụ nữ khác nay anh M thường xuyên sinh sống tại xưởng cơ khí thuộc địa phận thôn Tiên Trà, xã Trung

Nghĩa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh , ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn về kinh tế, năm 2017 chị đã làm đơn xin ly hôn anh M xong không được Toà án chấp nhận cũng từ đó đến nay vợ chồng cũng không cải thiện được, vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2018 đến nay không ai quan tâm tới ai và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, nay chị xét thấy vợ chồng không thể đoàn tụ được chị xin được ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Dương Thị M, sinh ngày 14/12/2006, cháu Dương Tiến T, sinh ngày 18/01/2009, cháu Dương Tiến D, sinh ngày 30/01/2015 và cháu Dương Gia H, sinh ngày 29/8/2016, hiện nay cả 4 con chung vẫn đang chung sống cùng chị, nay ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả 4 con chung và không yêu cầu anh M phải góp phí tồn nuôi con. Hiện nay chị đang làm giám đốc Công ty TNHH – TMDV khánh H thu nhập của chị từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công sức, công nợ: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra để chứng M cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Đơn xin ly hôn, CMTND, Sổ hộ khẩu (bản sao), giấy khai sinh của con (bản sao), Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), chị đã thực hiện việc gửi tài liệu cho bị đơn .

Về phía bị đơn là anh Dương Văn M : Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần có giấy triệu tập, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp, cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh M nhận nhiều lần xong anh M vẫn cố tình không lên Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Chứng tỏ anh M đã tước bỏ quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử anh M mới lên Tòa án nhận quyết định và có lời khai về việc chị H xin ly hôn anh không đồng ý và mong muốn để vợ chồng về đoàn tụ xong anh cũng không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ ngay cả phiên toà hôm nay anh cũng không có mặt, chứng tỏ việc anh không đồng ý ly chị H là gây khó khăn và nhằm mục đích kéo dài thời gian.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ kiện, xong anh M vẫn không đến Tòa án làm việc, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác M tại địa phương nơi anh M có hộ khẩu và sinh sống, thì được địa phương cung cấp hiện anh M vẫn có hộ khẩu tại xã Yên Phụ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Xong anh M có xưởng cơ khí tại địa phận xã Trung Nghĩa nên anh M thường xuyên làm việc ăn nghỉ tại xưởng, còn việc quan hệ

vợ chồng giữa chị H anh M thì địa phương được biết chị H đã 2 lần làm đơn lên Toà án xin ly hôn anh M.

Tại phiên toà chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn anh Dương Văn M.

Tại phiên toà bà Trần Phương A luật sư là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H trình bày về nội dung đơn khởi kiện cũng như quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Dương Văn M và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H xử cho chị H được ly hôn anh M và các con chung của chị H anh M cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cả 4 cháu là Dương Thị M, Dương Tiến T, Dương Tiến D và Dương Gia H.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong đã phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật: Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đầy đủ, bị đơn không chấp hành.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị HĐXX: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Dương Văn M, về con chung giao cho chị H nuôi dưỡng cháu Dương Thị M, Dương Tiến T, Dương Tiến D và Dương Gia H, phí tổn nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản, công nợ, công sức: không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Dương Văn M vào năm 2005 trước khi kết hôn đôi bên có được tìm hiểu thỏa thuận và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Phụ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M có quan hệ với người phụ nữ khác, nên vào năm 2017 chị H đã có đơn xin ly hôn anh M tại Toà án xong không được Toà án chấp nhận, kể từ khi Toà án xử bác đơn xin ly hôn của chị H vào tháng 6/2017 đến nay vợ chồng không hề cải thiện thậm trí còn mâu thuẫn trầm trọng hơn, Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể tiếp tục chung sống được chị làm đơn xin được ly hôn anh M. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh M đã đến mức trầm trọng cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục tồn tại được còn việc anh M không đồng ý ly hôn chị

H là nhằm kéo dài thời gian và gây khó khăn cho chị H nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H giải phóng cho cả đôi bên là phù hợp.

Về con chung: vợ chồng có 04 con chung là cháu Dương Thị M, sinh ngày 14/12/2006, cháu Dương Tiến T, sinh ngày 18/01/2009, cháu Dương Tiến D, sinh ngày 30/01/2015 và cháu Dương Gia H, sinh ngày 29/8/2016 hiện nay cả 4 cháu đang ở cùng chị H cuộc sống ăn học của các cháu vẫn được đảm bảo, nay ly hôn anh M không lên Toà án làm việc ngay cả phiên toà anh M vẫn không có mặt, chị H có nguyện vọng xin được nuôi cả 4 cháu. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị H là phù hợp nên giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cả 4 con chung, phí tổn nuôi con không đặt ra giải quyết. Hiện nay chị H đang là Giám đốc Công ty TNHH sản xuất và TMDV Khánh H có mức lương từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ/ tháng. Đảm bảo nuôi dưỡng cả 4 con chung.

Về tài sản, công sức, công nợ: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà chị H không yêu cầu Toà án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 143, 144, 145, 147, 227, 228, 235, 266 và 267 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Dương Văn M.

Về con chung: Giao cháu Dương Thị M, sinh ngày 14/12/2006, cháu Dương Tiến T, sinh ngày 18/01/2009, cháu Dương Tiến D, sinh ngày 30/01/2015 và cháu Dương Gia H, sinh ngày 29/8/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực nuôi dưỡng, phí tổn nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản, công nợ, công sức: không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000595 ngày 02/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong. Chị H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Yên Phong;
- CC THADS huyện Yên Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS.

**T.M hội đồng xét xử
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lương Trọng Thịnh